

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **280/2024/DS-ST**
Ngày: 21-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phước Tường
- Ông Huỳnh Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2024/TLST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Công K** sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Vi T** sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: xã HK, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông **Nguyễn Công K** trình bày:

- Vào ngày 27/4/2015, ông có cho chị T vay 200.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng Nguyễn Lê N công chứng ngày 27/4/2015. Thời hạn vay tiền là 21 tháng, không lãi suất. Đến nay chị T chưa trả số tiền này. Nay ông không yêu cầu khoản tiền này.

- Ngày 18/3/2020, ông có cho chị T vay 76.000.000 đồng, không tính lãi, thời hạn trả là ngày 15/5/2020 nhưng đến nay chị T chưa trả. Việc vay tiền này có biên nhận mượn tiền ngày 18/3/2020.

- Ngày 19/3/2020, chị T có xác nhận nợ của ông 135.000.000 đồng tiền đầu tư quán NQ và hẹn 15/5/2020 trả nhưng không có trả.

Tổng cộng hai khoản tiền trên là 211.000.000 đồng nhưng khi làm đơn thưa ngày 11/8/2020, ông chỉ yêu cầu có 205.000.000 đồng (do số nợ 76.000.000 đồng ông chỉ yêu cầu có 70.000.000 đồng) và theo biên bản hoà giải ngày 13/8/2020 của khu phố 3, phường AA, quận BT lập thì hai bên thống nhất ngày 30/8/2020 khi chị T thanh lý hết tài sản trong quán phở được bao nhiêu thì trả hết cho ông, số tiền còn lại mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tính từ tháng 01/2021. Sau đó số tài sản đã thanh lý trong quán phở được 20.000.000 đồng nên đã trả cho ông 20.000.000 đồng, còn số tiền còn lại chị T không trả mặc dù chị T có hứa mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tính từ tháng 01/2021. Đối với số tiền 70.000.000 đồng, ông không đồng ý giảm do chị T không có thiện chí trả nợ.

Nay ông yêu cầu chị T trả 185.000.000 đồng, bao gồm:

+ Số tiền 135.000.000 đồng theo tờ cam kết ngày 19/3/2020 và biên bản hoà giải ngày 13/8/2020;

+ Số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền ngày 18/3/2020 và biên bản hoà giải ngày 13/8/2020 do trừ đi 20.000.000 đồng là tiền thanh lý tài sản trong quán phở mà ông đã nhận và giảm cho chị T 6.000.000 đồng.

* Chị Trần Thị Vi T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tuân thủ, bị đơn chưa tuân thủ quy định quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Việc ông K thay đổi yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc chị T trả cho ông K số tiền 185.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Công K yêu cầu chị Trần Thị Vi T trả số tiền nợ là 185.000.000 đồng là không vượt quá

phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Xét thấy, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về yêu cầu chị T trả số tiền 185.000.000 đồng:

[3.1] Đối với số tiền 135.000.000 đồng: Xét thấy, ngày 11/8/2020, ông K có đơn thừa chị T và được Ủy ban nhân dân phường An Lạc A, quận Bình Tân hoà giải ngày 13/8/2020 thì ông K và chị T thống nhất ngày 30/8/2020 khi chị T thanh lý hết tài sản trong quán phở được bao nhiêu thì trả hết cho ông K số tiền 135.000.000 đồng. Sau đó số tài sản đã thanh lý trong quán phở được 20.000.000 đồng nên đã trả cho ông K số tiền 20.000.000 đồng, còn số tiền còn lại chị T không trả mặc dù có hứa mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tính từ tháng 01/2021.

[3.2] Đối với số tiền 70.000.000 đồng: Xét thấy, theo biên nhận mượn tiền ngày 18/3/2020 thể hiện chị T có vay của ông K số tiền 76.000.000 đồng nhưng ông K chỉ yêu cầu 70.000.000 đồng, ông K không đồng ý giảm cho chị T số tiền này do chị T không có thiện chí trả nợ cho ông K.

[3.3] Hiện chị T còn nợ ông K số tiền 185.000.000 đồng không trả là chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông K. Chị T không có ý kiến phản đối dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó ông K khởi kiện chị T để đòi lại số tiền nợ 185.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các điều 463, 466, 280, 166 của Bộ luật Dân sự do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Chi Trần Thị Vị T phải chịu 9.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và do ông K được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông K.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 166, 280, 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công K.

Buộc chị Trần Thị Vi T trả cho ông Nguyễn Công K số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chi Trần Thị Vi T phải chịu 9.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với ông Nguyễn Công K được tính từ ngày tuyên án; đối với chị Trần Thị Vi T được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi